

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2024

"V/v Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Luận.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mua

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1952 - Vắng mặt

-*Bị đơn:* Bà **Phan Thị P**, sinh năm 1952 - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai như sau:

Về hôn nhân: ông **Trần Văn B** và bà **Phan Thị P** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới 1974 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1990 thì xảy ra mâu thuẫn, bà **P** bỏ nhà ra đi đến năm 2006 thì quay về. Từ khi quay về cho đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, không còn tình cảm nên không hạnh phúc.

Nay ông **B** yêu cầu ly hôn với bà **Phan Thị P**.

Về con chung: Ông **B** trình bày có 02 người con chung tên **Trần Thị Mộng N**, sinh năm 1981 và **Trần Thanh H**, sinh năm 1984, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà **P** được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà **P** không có ý kiến gì bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại **huyện T** được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **P** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **P**.

Ông **B** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối ông **B**.

[3.1] Về hôn nhân: Xét ông **Trần Văn B** và bà **Phan Thị P** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới 1974 nhưng không đăng ký kết hôn, căn cứ điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP06/01/2016 đây hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống của ông **B** và bà **P** không tìm ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, từ đó cho thấy ông **B** và bà **P** đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **B** là có căn cứ pháp luật.

[3.2] Về con chung: Ông **B** trình bày có 02 người con chung tên **Trần Thị Mộng N**, sinh năm 1981 và **Trần Thanh H**, sinh năm 1984, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Miễn án phí dân sự thẩm cho ông Trần Văn B thuộc trường hợp người cáo tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

1.1 Về hôn nhân: Ông Trần Văn B được ly hôn với bà Phan Thị P.

1.2 Về con chung: Ông B trình bày có 02 người con chung tên Trần Thị Mộng N, sinh năm 1981 và Trần Thanh H, sinh năm 1984, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4 Về án phí: Miễn án phí dân sự thẩm cho ông Trần Văn B.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Luận